

Bản án số: 83/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25-12-2020
V/v ly hôn giữa ông Đ và bà T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Lâm Thúy Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mai Trần Phúc

Ông Hoàng Đình Ngân

- Thư ký phiên tòa: bà Đàm Nguyên Phượng– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Võ Minh Mẫn – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 502/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020 về việc: ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Vũ Phi Đ, sinh năm 1961

Địa chỉ: tổ 14, Khu phố 2, thị trấn Châu Th, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962

Địa chỉ cũ: ấp Xóm Mới A, xã Trí B, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ mới: tổ 14, Khu phố 2, thị trấn Châu Th, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh.

Ông Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà T đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/8/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Vũ Phi Đ trình bày:

Về hôn nhân: ông và bà Nguyễn Thị T chung sống từ năm 1989 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trí B nhưng đã làm thất lạc giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Khi ông lên xã Trí B xin trích lục thì được xã xác nhận vợ chồng ông có đăng ký kết hôn năm 1989. Vợ chồng chung sống đến năm 1992 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, sống không hòa hợp nên bà T bỏ địa phương đi từ năm 1992 cho đến nay. Ngày 28/5/2015 Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 18/2015/QĐVDS-ST tuyên bố bà Nguyễn Thị T mất tích. Từ khi Tòa án tuyên bố bà T mất tích đến nay bà T cũng không trở về, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Vũ Phi L sinh năm 1988. Ông không cung cấp được giấy khai sinh con nhưng Ủy ban nhân dân xã Trí B có xác nhận L xin năm 1988. Từ khi bà T đưa con bỏ đi ông không có tin tức gì, do con đã đủ 18 tuổi nên ông không có yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết. Ông xác định vợ chồng không nợ ai.

Bà Nguyễn Thị T không đến Tòa án, không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Đương sự là nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Đ đối với bà T; con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung xác định không có nên không đặt ra xem xét. Ông Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Phi Đ vụ án có quan hệ pháp luật là ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị T có địa chỉ cuối cùng tại ấp Xóm M 2, xã Trí B, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh (nay thuộc tổ 14, Khu phố 2, thị trấn Châu Th, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bà T không đến tòa án. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T. Riêng ông Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ.

Về nội dung vụ án: đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đ Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3] Về hôn nhân: ông Đ trình bày vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn nhưng không cung cấp được giấy chứng nhận. Tuy nhiên có sự xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Trí Bình ngày 02/7/2000 và ngày 18/12/2020 về việc ông bà đăng ký kết hôn năm 1989 nên hôn nhân giữa ông Đ và bà T là hợp pháp. Ngày 28/5/2015 Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 18/2015/QĐVDS-ST tuyên bố bà Nguyễn Thị T mất tích. Như vậy, áp dụng khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 yêu cầu ly hôn của ông Đ là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: có 01 con chung tên Vũ Phi L, sinh năm 1988 đã đủ 18 tuổi nên Tòa án không giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung: ông Đ không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết. Ông Đ xác định vợ chồng không nợ ai.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Vũ Phi Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của ông Vũ Phi Đ đối với bà Nguyễn Thị T.

Về hôn nhân: cho ly hôn giữa ông Vũ Phi Đ và bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: có 01 con chung tên Vũ Phi L, sinh năm 1988 đã đủ 18 tuổi nên Tòa án không giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng.

Về tài sản chung: ông Đ không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết. Ông Đ xác định vợ chồng không nợ ai.

2. Về án phí: ông Vũ Phi Đ phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007392 ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- VKSND h Châu Thành;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thúy Liễu